

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+TD1+BK14	7:25	3+4+13	0+0+0		1+6+10	0+0+0	Chuyen 2 TD1-BK14
2		TC1+CLO+P1	7:25	5+15+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
3		PPD+VSP01+RC5	7:25	20+0+1	0+0+0		17+1+4	0+0+0	
4		AMD+P7+CNV	9:25	18+0+2	0+0+0		13+5+0	0+0+0	Chuyen 2 P7-CNV
5		CLO+BK10+P2+PVD2	9:25	7+0+9+0	0+0+0+0		3+3+6+7	0+0+0+0	
6		RP3+RP1+TD1	9:25	2+3+13	0+0+0		0+1+21	0+0+0	Chuyen 3 RP3-RP1
7		HST+AMD+CTK3	11:25	3+16+1	0+0+0		3+9+10	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 2 người (Thông tin) về bờ từ TD1 chuyển 1, đi RP3 chuyển 2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK5 - TD1 - BK14	CREW: Hôi - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN THUY	BK5	77	1	5	30	75	MMS-SOT	Vietnamese
2	VŨ NGỌC CANH	BK5	57-58	2	19	45	80	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THƯ	BK5	56	1	7		54	CODIEN	Vietnamese
4	UVAYSOV A.X	TD1				40	102	KHOAN	Russian
5	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	86	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN MINH	TD1	85	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRỌNG	BK14	10	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÂM	BK14	15	1	16		79	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DUY KHANH	BK14	12-13	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ CHÍ CÔNG	BK14	11	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN TUYẾN	BK14	14	1	15		91	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC HUY	BK14	08-09	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MINH TÀI	BK14	04-05	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
15	PHƯƠNG THÈ TRUNG	BK14	3000	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN HAO	BK14	01	1	6		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHANH	BK14	98-99	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	BK14	06-07	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HUY	BK14	02-03	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TIEN	BK14	96-97	2	12		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

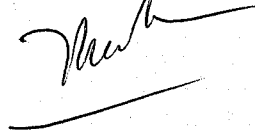
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	3	4	31	209	75	1		CHUYEN 2 PAX TU TDI SANG BK14
2	TD1	4	2	6	304	40	6	72	
3	BK14	13	20	184	889	0	10		
TOTAL		20	26	221	1.402	115	17		
WEIGHT KG				221	1.402	115			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

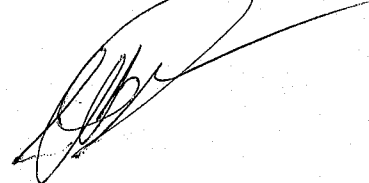
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TTC1 - CLO - P1	CREW: VThắng - TRƯỞNG - THỤ	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐOAN HÙNG	TTC1	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CHÁNH	TTC1	61	1	6	40	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH QUÊ	TTC1	62	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	TTC1	63	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
5	DATSKO	CLO	44	1	8		105	KHOAN	Russian
6	BRATCHYKOV A.S	CLO	45	1	6		90	KHOAN	Russian
7	KARAVKA IVAN	CLO	36	1	12		100	KHOAN	Russian
8	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	39	1	5		120	KHOAN	Russian
9	LUU VĂN PHONG	CLO	48	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	46	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LONG	CLO	47	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN HÙNG	CLO	41-42	2	7		60	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	49	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	52	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CHIẾN THẮNG-PVD	CLO	43	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN HỮU SƠN	CLO	50	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	40	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	PODKATILIN	CLO	37	1	6		80	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	4	31	288	40	1		
2	CLO	16	17	86	1.247	0	17		
3	P1	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		20	21	117	1.535	70	22		
WEIGHT KG				117	1.535	70			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - VSP01 - RC5	CREW: HUNG - MMinh - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

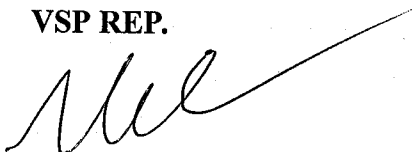
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN MINH	PPD	08	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	07	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN THẮNG	PPD	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ SỸ KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN VINH	PPD	13	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	500	1	3	55	85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	PPD	11-12	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO XUÂN HÀ	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	03-04	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DANH TUÂN	PPD	21	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	02	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	09	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	01	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUANG HUY	PPD	16	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC CỬ	PPD	05-06	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUỆ	PPD	19-20	2	20		58	T-TIN	Vietnamese
20	TRẦN HOÀNG TRIỀU	PPD	17-18	2	13		69	T-TIN	Vietnamese
21	VÕ NGỌC THAI SƠN	RC5	74	1	8	26	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	21	109	1.349	55	17		
2	VSP01	0	0	0	0	35	1		
3	RC5	1	1	8	72	26	4		
TOTAL		21	22	117	1.421	116	22		
WEIGHT KG				117	1.421	116			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: AMD - P7 - CNV	CREW: HỒI - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	94	1	3		68	PSV	Vietnamese
2	TRẦN LONG NHẬT	AMD	81	1	5		47	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HIEU	AMD	45-46	2	12		95	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÙNG	AMD	84-85	2	8		75	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	AMD	76-77	2	14		62	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRẦN QUYẾT	AMD	74-75	2	12		92	HLJOC	Vietnamese
7	CHU HÀ HÙNG	AMD	44	1	7		56	HLJOC	Vietnamese
8	PHAN MINH HUE	AMD	86-88	3	15	40	65	HLJOC	Vietnamese
9	TRẦN DAI NGHIA	AMD	82-83	2	12	40	74	HLJOC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY LAM	AMD	89	1	11		63	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DUY	AMD	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH KHA	AMD	73	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN LÊ HOA	AMD	78-79	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HIẾU THAO	AMD	93	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	92	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯỜNG THÈ KHAI	AMD	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	95	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SỸ QUYỀN	AMD	90	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH TÙNG	CNV	17-18	2	14	40	75	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	14-16	3	17		100	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

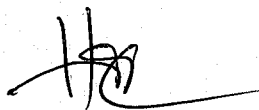
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	26	151	1.222	80	13		CHUYỂN 2 PAX P7 SANG CNV
2	P7	0	0	0	0	0	5 + 2		
3	CNV	2	5	31	175	40	0		
TOTAL		20	31	182	1.397	120	18		
WEIGHT KG				182	1.397	120			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

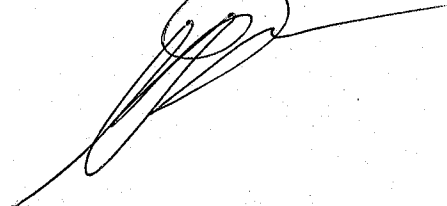
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: CLO - BK10 - P2 - PVD2	CREW: HUNG - MMinh - Toan	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TAM	CLO	27	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN PHU	CLO	33	1	10	115	72	SEAMAP	Vietnamese
3	NGUYEN QUYET TUYEN	CLO	32	1	3		60	SEAMAP	Vietnamese
4	THAN HUU TRUONG	CLO	30-31	2	13		73	CODIEN	Vietnamese
5	LE SY DUC	CLO	34-35	2	13		70	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THIEU BINH	CLO	28	1	10	10	62	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NANG	CLO	29	1	7		55	PSV	Vietnamese
8	DOAN MINH TUAN	P2	82	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LEM	P2	85	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
10	HUYNH NGOC TAM	P2	83	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
11	NONG MINH HAI	P2	77	1	10	20	77	CODIEN	Vietnamese
12	Dinh Mai Thien	P2	78	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG PHONG	P2	84	1	9		67	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN VAN DOAN	P2	86	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN LOI	P2	81	1	8	27	58	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC LANG	P2	79-80	2	20		60	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	9	61	452	125	3		
2	BK10	0	0	0	0	20	3		
3	P2	9	10	92	615	47	6		
4	PVD2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		16	19	153	1.067	192	19		
WEIGHT KG				153	1.067	192			

GRAND TOAL: 1.412 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: RP3 - RP1 - TD1	CREW: V - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH XUAN TOAN	RP3	42	1	15		60	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYEN DUC TOAN	RP3	43	1	10		62	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC QUAN	RP1	64	1	10	54	75	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN THUA THAI	RP1	65	1	8	15	63	CODIEN	Vietnamese
5	HA QUOC VINH	RP1	63	1	5		69	PSV	Vietnamese
6	MAI VAN HOI	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM MINH THANG-PVD	TD1	93-94	2	12		76	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN DUY	TD1	52	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN HOAN	TD1	89	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG THANG	TD1					52	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VAN NINH	TD1	69	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD1	500	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRANG NGOC HUNG	TD1	92	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD1	97-99	3	20		80	KHOAN	Vietnamese
15	LE XUAN HAI	TD1	70-71	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
16	YONG KOK HANG	TD1	95-96	2	20		75	SCHLUM	Malaysian
17	HOANG MINH NGOC	TD1	91	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
18	DOAN VIET DONG	TD1	90	1	6	24	80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	2	25	122	0	0	0	CHUYEN 3 PAX RP3 SANG RP1
2	RP1	3	3	23	207	69	1		
3	TD1	13	16	134	937	24	21		
TOTAL		18	21	182	1.266	93	22		
WEIGHT KG				182	1.266	93			

GRAND TOAL: 1.541 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 7	TO: HST - AMD - CTK3	CREW: Vận - Linh - Huy	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ QUÂN	HST	12-13	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN PHẠNG	HST	10	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ TRUNG HIẾU	HST	11	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÀ	AMD	82	1	7	20	55	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRẦN LIÊM	AMD	72-73	2	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	AMD	97-98	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU ĐĂNG	AMD	93-94	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	79-81	3	14		66	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN THANH MAI	AMD	89	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHUÔNG	AMD	76	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỒNG THAI	AMD	74	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU HỮU CHÍNH	AMD	75	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	90	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	91-92	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ VĂN BÁC	AMD	83-84	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	AMD	77-78	2	16		79	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN MẠNH HÙNG	AMD	95,1000	2	13		65	CODIEN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC ANH	AMD	88	1	7		72	YTE	Vietnamese
19	BUI DUY CƯỜNG	AMD	85-87	3	17		59	YTE	Vietnamese
20	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	76	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	3	4	26	222	0	3		
2	AMD	16	27	165	1.042	20	9		
3	CTK3	1	1	2	76	0	10		
TOTAL		20	32	193	1.340	20	22		
WEIGHT KG				193	1.340	20			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN